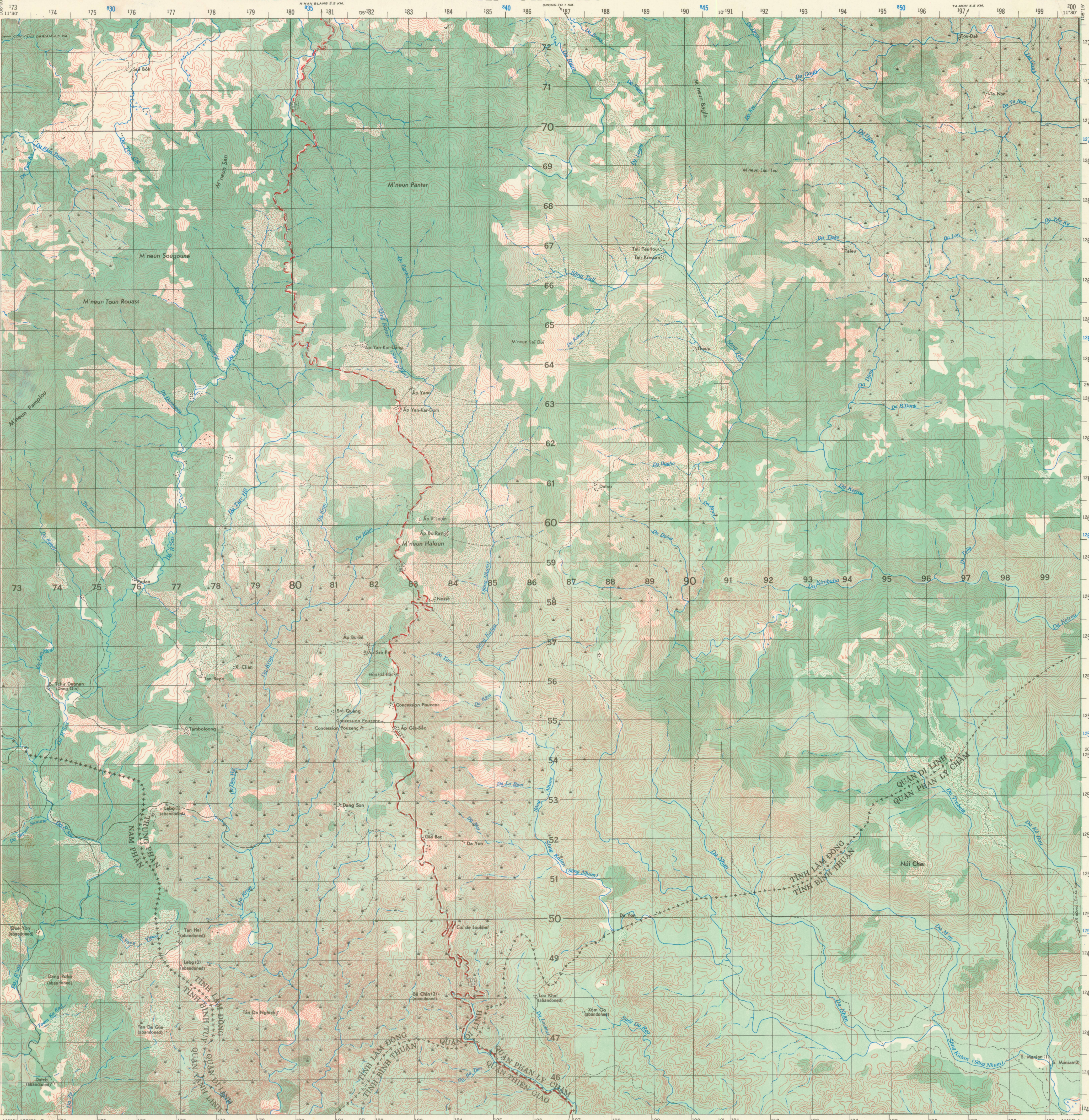




PHIÊN CỤC ĐỊA-DƯ ĐẠT ẮN-HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM
Ấn hành lần thứ Hai 9-67
2nd Printing 9-67

LEGEND - CHỮ TỰ

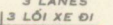
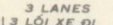
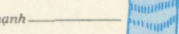
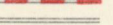
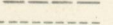
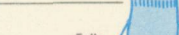
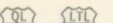
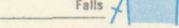
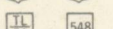
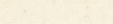
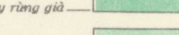
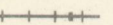
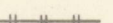
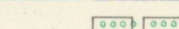
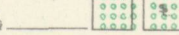
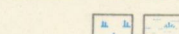
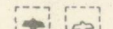
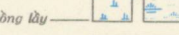
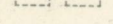
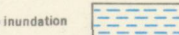
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ TỈNH-TỈNH NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width. Thôn bản có từ một LANE đi đã được có như rừng ít nhất là 2.4 mét

Dense forest or jungle indicates more than 75 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is covered by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành còn cây lớn và phía dưới rừng không thể vượt lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lớp thành còn cây lớn và phía dưới rừng không thể vượt lại được. Thôn bản chỉ là nơi dân cư sinh sống.

WHEN REFERRING TO POPULATED PLACE NAMES, INCLUDE UTM GRID COORDINATES
THE NUMBER IN PARENTHESES FOLLOWING A POPULATED PLACE NAME INDICATES
MORE THAN ONE PLACE IS SO NAMED WITHIN THE MAP SHEET AREA

ROADS - ĐƯỜNG - SÁ		Salt exposer Rừng muối	
All weather, hard surface, two or more lanes wide Đường nhựa cứng, bề mặt cứng ít nhất 2 xe ô tô			
All weather, loose or light surface, two or more lanes wide Đường chỉ có đất cứng, bề mặt cứng ít nhất 2 xe ô tô			
All weather, loose or light surface, one lane wide Đường chỉ có đất cứng, bề mặt cứng ít nhất 1 xe ô tô			
Gravel or light surface, one lane wide Đường chỉ có đất cứng, bề mặt cứng ít nhất 1 xe ô tô			
Post office, Telephone Văn phòng, Điện thoại			
Cemetery - Nghĩa địa			
Religious - Tôn giáo			
Horizontal control point Điểm kiểm soát ngang			
Sport recreation is checked, Unchecked Điểm kiểm soát thể thao được kiểm tra, không được kiểm tra			
International boundary - Ranh giới Quốc gia Boundary - Ranh giới Phần Tỉnh boundary - Ranh giới Tỉnh Delegation boundary - Ranh giới Quận			
Area name Tên vùng hay địa điểm			
HÀO LÔNG			
Province office, Delegation office Tỉnh ủy hoặc Tỉnh ủy cấp chính quyền			
Task Well, Spring Điểm nước, Hồ nước			
Magnary dam, Extern dam Đập thủy điện, Đập đất			
Land use Personal, Intermediate Hàng hóa cá nhân, cá nhân trung gian, hàng hóa		